

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

Số: *224*/UBND-TH

V/v tiếp tục triển khai các nhiệm vụ,
giải pháp cải thiện môi trường kinh
doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh
cấp tỉnh (PCI) năm 2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thái Nguyên, ngày *25* tháng 6 năm 2021

Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh;
- Hội Nữ doanh nhân tỉnh;
- Hội Doanh nghiệp trẻ tỉnh.

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư - Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo PCI tỉnh Thái Nguyên tại Văn bản số 1694/SKHĐT-DNKTTT ngày 17/6/2021 về việc báo cáo đánh giá thực hiện Chỉ số PCI của tỉnh Thái Nguyên năm 2020 và triển khai nhiệm vụ năm 2021; để tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, UBND tỉnh có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tổ chức thực hiện nghiêm chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh ủy, UBND tỉnh tại các văn bản: Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ; Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 29/3/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 19/01/2021 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2021; Kế hoạch số 74/KH-UBND ngày 24/5/2019 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 29/3/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu xây dựng Đề án cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025 trình ban hành vào quý III năm 2021; tham mưu xây dựng bộ Chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và địa phương (DDCI) thuộc tỉnh Thái Nguyên trình Ban Chỉ đạo đưa vào đánh giá trong năm 2021.

3. Giao Sở Công Thương xây dựng Kế hoạch cải thiện chỉ số Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp năm 2021; tập trung nghiên cứu, đề xuất giải pháp, chương trình hỗ trợ các doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi số lĩnh vực công thương và phát triển thương mại điện tử, ứng dụng các giải pháp công nghệ trong kinh doanh, tăng cường khả năng quản lý, tiêu thụ hàng hóa; tăng cường tổ chức các chương trình xúc tiến thương mại tạo cơ hội cho doanh nghiệp đẩy mạnh quảng bá, kết nối tiêu thụ sản phẩm; đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn chủ đầu tư hạ tầng các cụm công nghiệp đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng để thu hút đầu tư; tổ chức các hoạt động đối thoại với cộng đồng doanh nghiệp để kịp thời nắm bắt, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, phát triển sản xuất kinh doanh...

4. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng Kế hoạch cải thiện chỉ số Đào tạo lao động năm 2021; tuyên truyền giáo dục hướng nghiệp cho người lao động; tăng cường các hoạt động phối hợp giữa doanh nghiệp và cơ sở đào tạo nghề để định hướng đào tạo theo nhu cầu thực tiễn; nghiên cứu, đề xuất giải pháp khuyến khích các doanh nghiệp khởi nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đào tạo lao động, cung ứng nguồn lao động chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển của tỉnh.

5. Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã căn cứ chức năng, nhiệm vụ của ngành, lĩnh vực, địa bàn nghiên cứu các nội dung Báo cáo số 1694/BC-SKHĐT (gửi kèm theo), chủ động xây dựng kế hoạch để tiếp tục duy trì và cải thiện các Chỉ số PCI thành phần.

Căn cứ chỉ đạo của UBND tỉnh, yêu cầu các đơn vị tổ chức thực hiện. /

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Lưu: VT, TH.

va

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Quang Tiến



Người ký: Sở Kế hoạch và Đầu tư
Email: sokhdt@thainguyen.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Thái Nguyên
Thời gian ký: 17.06.2021 16:21:08

UBND TỈNH THÁI NGUYÊN
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Xác thực & Bảo mật +07:00
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~1694~~ /BC-SKHĐT

Thái Nguyên, ngày 17 tháng 6 năm 2021

BÁO CÁO

Đánh giá chỉ số PCI năm 2020, phương hướng nhiệm vụ nâng cao chỉ số PCI năm 2021

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Báo cáo đánh giá thực hiện Chỉ số PCI của tỉnh Thái Nguyên năm 2020 và triển khai nhiệm vụ năm 2021. Sở Kế hoạch và Đầu tư - cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo PCI tỉnh Thái Nguyên báo cáo đánh giá chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2020 và triển khai nhiệm vụ nâng cao chỉ số PCI năm 2021, nội dung cụ thể sau:

I. Thực trạng về chỉ số PCI tỉnh Thái Nguyên

Năm 2020 là một năm đặc biệt khi cộng đồng doanh nghiệp, hệ thống chính quyền phải căng sức để đối phó với đại dịch COVID-19, đại dịch COVID-19 đã tác động tiêu cực và trực tiếp tới hoạt động đầu tư kinh doanh của các doanh nghiệp, từ doanh nghiệp nhỏ tới các tập đoàn lớn, từ doanh nghiệp du lịch, dịch vụ cho đến doanh nghiệp sản xuất, từ vùng núi cao cho đến thành phố. Chính vì vậy báo cáo PCI năm nay đã phân tích về tác động của đại dịch COVID-19 tới doanh nghiệp Việt Nam nói chung và của tỉnh Thái Nguyên nói riêng cho thấy được bức tranh khó khăn trong kinh doanh của cộng đồng doanh nghiệp, trong đó điểm tích cực là doanh nghiệp đánh giá cao phản ứng kịp thời và các chính sách hỗ trợ từ Chính phủ và từ chính quyền tỉnh Thái Nguyên.

Năm 2020, với việc thực hiện quyết liệt, đồng bộ nhiều giải pháp theo Nghị quyết số 02-NQ/CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh Quốc gia năm 2020; Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 29/3/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Chỉ số PCI của tỉnh Thái Nguyên đã có những kết quả tích cực. Báo cáo PCI năm 2020 được VCCI công bố vào ngày 15/4/2021, đã đánh giá và xếp loại tỉnh Thái Nguyên đạt thứ hạng 11/63 tỉnh, thành trong cả nước với số điểm tổng hợp đạt 66,56 điểm. Dẫn đầu trong nhóm các tỉnh Miền núi phía Bắc.

So với năm 2019 (xếp thứ 12/63 với điểm tổng hợp đạt 67,71 điểm) năm 2020 đánh giá PCI của tỉnh tăng 1 bậc trên bảng xếp hạng toàn quốc. Năm 2020 cũng là năm tỉnh Thái Nguyên có số điểm tổng hợp đạt cao so với các năm. Về các chỉ số thành phần: Có 6/10 chỉ số thành phần tăng điểm, trong đó có 01 chỉ

số đạt trên 8 điểm, 4 chỉ số đạt trên 7 điểm. Chỉ số có điểm cao nhất là **Gia nhập thị trường** đạt 8,35 điểm. Có 04 chỉ số giảm điểm so với năm 2019 là Tính minh bạch đạt 5,85 điểm, giảm 0,84 điểm, Cạnh tranh bình đẳng đạt 6,29 điểm, giảm 0,3 điểm, Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp đạt 5,63 điểm, giảm 0,42 điểm, Đào tạo lao động đạt 7,42 điểm, giảm 0,46 điểm so với năm 2019.

(Chi tiết tại Phụ biểu I: So sánh các chỉ số thành phần PCI 2020 với năm 2019 của tỉnh Thái Nguyên)

Trong năm qua, với nỗ lực của các ngành, các cấp, sự đồng hành của cộng đồng doanh nghiệp tỉnh Thái Nguyên, môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh Thái Nguyên đã không ngừng được cải thiện và giữ vững, vai trò, vị thế của Thái Nguyên ngày một nâng cao. Thứ tự xếp hạng PCI những năm gần đây đều tăng, đứng trong top 20 những tỉnh cao nhất trong cả nước, đứng đầu trong nhóm các tỉnh Miền núi phía Bắc.

Mặc dù thứ tự xếp hạng tăng một bậc so với năm 2019 và được đánh giá có môi trường đầu tư kinh doanh tốt, song nhìn vào vị trí của các chỉ số thành phần PCI tỉnh Thái Nguyên năm 2020, bên cạnh những chỉ số có tính đột phá, có 4 chỉ số thành phần có số điểm thấp hơn năm 2019, điều đó khẳng định tính bền vững của chỉ số PCI chưa cao. Cần tiếp tục có những giải pháp quyết liệt để cải thiện từng chỉ số thành phần thì việc nâng hạng thậm trí trụ hạng mới có thể thực hiện được.

II. Đánh giá các chỉ số thành phần PCI năm 2020

1. Chỉ số: Gia nhập thị trường

Năm 2020 chỉ số gia nhập thị trường của tỉnh đạt 8,35 điểm tăng 0,99 điểm so với năm 2019, đã tăng điểm 2 năm liên tiếp. Về thứ tự xếp hạng năm 2020 xếp thứ 13/63 tăng 16 bậc so với năm 2019. Chỉ số gia nhập thị trường của năm 2020 là chỉ số đạt điểm cao nhất trong chỉ số thành phần PCI của tỉnh.

Theo kết quả đánh giá của VCCI về chỉ số gia nhập thị trường có nhiều cải thiện:

- + Thời gian thực hiện ĐKDN giảm được 01 ngày so với năm 2019.
- + Thời gian đăng ký thay đổi doanh nghiệp giảm 1,5 ngày so với đánh giá của năm 2019.
- + Có 20% doanh nghiệp đánh giá phải chờ hơn 1 tháng hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động. (giảm 6% so với năm 2019).
- + Có 3% doanh nghiệp đánh giá phải chờ hơn 3 tháng hoàn thành các thủ tục để chính thức hoạt động giảm 1% so với năm 2019 (năm 2019 là 4%).
- + Tỷ lệ DN đăng ký kinh doanh qua phương thức trực tuyến, TTHCC, bưu điện đạt 25%, tăng 6% so với năm 2019.

(Phụ biểu 01: So sánh các chỉ số đánh giá PCI về Chỉ số gia nhập thị trường của tỉnh Thái Nguyên năm 2020)

Tuy có nhiều thay đổi tích cực, nằm ở vị trí cao của cả nước, nhưng điểm số của chỉ số thành phần này chưa đạt cao như kỳ vọng như một số năm: Năm 2011, chỉ số này đạt 9,11 điểm, Năm 2015 đạt 8,84 điểm, Năm 2016 đạt 8,62 điểm.

Giải pháp để nâng cao chỉ số:

- UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến rộng rãi để tổ chức và cá nhân có những hiểu biết cơ bản nhất về quy trình cơ quan, đơn vị giải quyết các thủ tục có liên quan đến người dân và doanh nghiệp.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư tập trung tham mưu triển khai đồng bộ các giải pháp cải thiện, rút ngắn thời gian đăng ký doanh nghiệp, điều chỉnh đăng ký doanh nghiệp, hướng dẫn và tạo điều kiện cho doanh nghiệp thực hiện nhanh các thủ tục đăng ký, bố cáo thành lập, tăng cường công khai minh bạch các thủ tục hành chính có liên quan đến đăng ký doanh nghiệp; ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao tỷ lệ doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng; nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tinh thần, thái độ phục vụ của cán bộ một cửa trong tiếp xúc và giải quyết các thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp.

- Hoàn thiện cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết các thủ tục liên quan đến đầu tư, xây dựng, đất đai ở cấp tỉnh, nhằm rút ngắn thời gian để các doanh nghiệp, nhà đầu tư gia nhập thị trường sản xuất kinh doanh.

- Rà soát, cắt giảm thủ tục hành chính trong việc chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư ngoài ngân sách; rà soát thủ tục liên quan đến đầu tư sử dụng vốn ngân sách; hoàn thiện, công bố công khai thủ tục về bảo lãnh tín dụng, hỗ trợ đầu tư từ quỹ hỗ trợ đầu tư.

2. Về chỉ số: Tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất

Năm 2020, chỉ số này đạt 6,68 điểm tăng 0,61 điểm so với năm 2019. Thứ tự xếp hạng là 31/63, tăng 29 bậc so với năm 2019. Là chỉ số tăng điểm trong sáu chỉ số thành phần tăng điểm PCI của tỉnh năm 2020. Năm 2020 chỉ số này đã tăng điểm và tăng cả thứ hạng so với 3 năm gần đây đều có xu hướng giảm dần: Năm 2017 đạt 6,45 điểm, xếp thứ 26/ 63 tỉnh thành phố; năm 2018 đạt 6,37 điểm, giảm 0,07 điểm so với năm 2017, xếp thứ 12/63 tỉnh, thành phố. Năm 2019 đạt 6,07 điểm, xếp thứ 60/63 tỉnh thành phố;

(Phụ biểu 02: So sánh các chỉ số đánh giá PCI về Chỉ số tiếp cận đất đai của tỉnh Thái Nguyên năm 2020)

Theo kết quả đánh giá của VCCI năm 2020 có kết quả:

- Tỷ lệ doanh nghiệp có mặt bằng kinh doanh, có Giấy chứng nhận QSDĐ năm 2020 đạt 51%. (giảm 11% so với đánh giá của năm 2019.)
- Thời gian chờ đợi để được cấp giấy chứng nhận QSDĐ của doanh nghiệp là 50 ngày (tăng 25 ngày so với năm 2019) cao hơn trung bình cả nước (trung bình là 30 ngày).
- Rủi ro về khả năng bị thu hồi đất là khá cao 1,89 (Trung bình cả nước là 1,6).
- Có 45% doanh nghiệp đánh giá gặp cản trở về tiếp cận /mở rộng mặt bằng kinh doanh. Giảm 6% so với năm 2019. Bằng với mức trung bình cả nước.
- 20% doanh nghiệp đánh giá việc cung cấp thông tin về đất đai không thuận lợi, nhanh chóng (Giảm 25% so với năm 2019, trung bình cả nước là 30%, cao nhất cả nước là 49%).
- 19% doanh nghiệp đánh giá không có giấy chứng nhận QSDĐ do lo ngại thủ tục hành chính rườm rà, cán bộ nhũng nhiễu. Tăng 7% so với năm 2019.

Thực trạng về khả năng tiếp cận đất đai của doanh nghiệp khi thực hiện đầu tư trên địa bàn tỉnh là không cao, một số khu, cụm công nghiệp đã được đầu tư hạ tầng đầy đủ nhưng đã lấp đầy. Những khu, cụm công nghiệp đã quy hoạch nhưng chưa được đầu tư hạ tầng kỹ thuật, không có quỹ đất sạch để nhà đầu tư được thuê đất, doanh nghiệp gặp khó khăn về thuê đất khi cần mở rộng đầu tư kinh doanh.

Giải pháp để nâng cao chỉ số:

- Đẩy nhanh việc đầu tư hạ tầng các khu, cụm công nghiệp tạo điều kiện để các doanh nghiệp có cơ hội thuận lợi để thuê đất đầu tư sản xuất kinh doanh. Nghiên cứu giải pháp ứng trước kinh phí để giải phóng mặt bằng rồi thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư hạ tầng.
- Xây dựng nền hành chính công thực sự minh bạch, hiệu quả đảm bảo thực hiện tốt các hoạt động quản lý nhà nước và các dịch vụ công về đất đai vừa thuận tiện cho người dân và doanh nghiệp; quan tâm đến nhu cầu sử dụng đất của doanh nghiệp; tổ chức tốt việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và các vấn đề xã hội liên quan đến đất đai; hoàn thiện cơ chế giải quyết tranh chấp và khiếu nại về đất đai theo hướng tăng cường đối thoại và pháp luật thừa nhận hòa giải tại cộng đồng.
- Đẩy mạnh cải cách TTHC, cải thiện chỉ số cải cách hành chính đối với những hồ sơ liên quan đến tài nguyên và môi trường. Thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích và qua cổng dịch vụ công trực tuyến (cấp độ 3, cấp độ 4). Hoàn thiện các quy hoạch và tăng cường quản lý, giám sát,

sử dụng hiệu quả, tiết kiệm các nguồn tài nguyên, đất đai, nguồn nước, khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường.

- Tăng vốn cho Quỹ phát triển đất, tạo cơ hội cho doanh nghiệp được vay từ quỹ để thực hiện công tác giải phóng mặt bằng.

- Công bố công khai thủ tục liên quan đến cấp chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất khi thuê đất, khi thuê lại đất trong các khu, cụm công nghiệp.

- Sở Tài nguyên và môi trường tập trung làm tốt các nhiệm vụ để cải thiện chỉ số Tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất trong những năm tới: lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 cấp huyện; kế hoạch sử dụng đất tỉnh 5 năm 2021-2025; kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện; thực hiện công khai quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định; chủ trì tham mưu UBND tỉnh ban hành một số quy định mới theo yêu cầu của Nghị định số 148/NĐ-CP ngày 18/12/2020 sửa đổi bổ sung một số quy định chi tiết Luật đất đai.

3. Chỉ số: Tính minh bạch trong tiếp cận thông tin

Năm 2020 đạt 5,85 điểm, giảm 0,84 điểm so với năm 2019, xếp thứ 32/63 tỉnh thành, giảm 3 bậc (năm 2019 xếp thứ 29/63).

(Phụ biểu 03: So sánh các chỉ số đánh giá PCI về Chỉ số Tính minh bạch trong tiếp cận thông tin của tỉnh Thái Nguyên năm 2020)

Theo kết quả đánh giá của VCCI có kết quả:

- Chỉ số tiếp cận tài liệu quy hoạch của tỉnh đã đạt 2,6 trên thang điểm 5. Bằng mức trung bình cả nước, giữ nguyên số điểm so với năm 2019.

- Có tới 60% doanh nghiệp đánh giá cần phải có mối quan hệ để có được các tài liệu của tỉnh.

- Đã có 45% doanh nghiệp đánh giá nhận được thông tin, văn bản sau khi đề nghị cơ quan nhà nước của tỉnh cung cấp. Tăng 15% so với năm 2019. (trung bình của cả nước 56%).

- 43% doanh nghiệp đánh giá việc thỏa thuận “ khoản thuế phải nộp” với cán bộ thuế là công việc quan trọng.

- Có 8% doanh nghiệp dự liệu được việc thực thi của tỉnh đối với quy định pháp luật của trung ương là chắc chắn (cao hơn mức trung bình cả nước), tăng 1% so với năm 2019.

Đây cũng là chỉ số có sự cạnh tranh quyết liệt giữa các tỉnh vì để nâng cao nó không đòi hỏi phải có chi phí cao mà chỉ cần các cơ quan nhà nước tăng cường đưa các thông tin về cơ chế chính sách mới, cho phép doanh nghiệp được

tham gia trực tiếp vào quá trình xây dựng và ban hành văn bản về cơ chế chính sách, tăng chất lượng tiện dụng và độ mở của các trang Web.

Giải pháp để nâng cao chỉ số:

- Người đứng đầu cơ quan các cấp phải nâng cao trách nhiệm giải trình, cung cấp thông tin đến người dân, doanh nghiệp.

- Các ngành, các cấp phải tiếp tục duy trì và thực hiện thường xuyên việc rà soát về cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến đầy đủ trên cổng thông tin điện tử hoặc cổng thông tin của cơ quan mình theo Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ về cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên cổng thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông đến người dân và doanh nghiệp về tiếp cận và sử dụng thông tin cổng thông tin điện tử hoặc cổng thông tin của cơ quan nhà nước.

- Sở Thông tin và Truyền thông đảm bảo về kỹ thuật để Cổng thông tin điện tử của tỉnh và các trang thông tin điện tử thành phần của các cơ quan nhà nước hoạt động ổn định, thông suốt, đảm bảo an toàn an ninh thông tin.

- Tham khảo ý kiến người dân, cộng đồng doanh nghiệp trước khi ban hành chính sách liên quan đến người dân, doanh nghiệp.

- Phát huy hơn nữa vai trò của các hiệp hội doanh nghiệp. Cần tăng cường vai trò là đầu mối tập hợp ý kiến các doanh nghiệp hội viên về nội dung cơ chế chính sách của nhà nước liên quan, tạo sự gắn kết giữ nhà nước với doanh nghiệp.

4. Chỉ số: Chi phí thời gian để thực hiện các thủ tục hành chính của Nhà nước

Năm 2020, chỉ số này đạt 7,70 điểm, tăng 1,07 điểm xếp thứ 34/63, tăng 6 bậc xếp hạng so với năm 2019. Xu hướng của chỉ số này những năm gần đây đều tăng tăng điểm; năm 2017 đạt 6,17 điểm, xếp thứ 45/63 tỉnh thành; năm 2018 đạt 6,4 điểm, tăng 0,23 điểm, xếp thứ 45/63 tỉnh, thành phố; năm 2019 đạt 6,63 điểm, tăng 0,23 điểm, xếp thứ 38/63 tỉnh, thành phố.

(Phụ biểu 04: So sánh các chỉ số đánh giá PCI về Chỉ số Chi phí thời gian của tỉnh Thái Nguyên năm 2020)

Theo kết quả điều tra của VCCI có kết quả:

- Đã có 86% cán bộ công chức giải quyết công việc có hiệu quả, có thái độ thân thiện (tăng 8% so với 78% của năm 2019, cao hơn trung bình cả nước, trung bình cả nước là 84%)

- Số giờ bình quân cho một cuộc làm việc với thanh tra, kiểm tra thuế là 24h (cao gấp 3 lần mức bình quân của cả nước, cả nước 8h).

- Còn có 7% doanh nghiệp đánh giá việc thanh tra, kiểm tra tạo điều kiện cho cán bộ những nhiều. giảm 4% so với tỷ lệ của năm 2019

- Đã có 58% doanh nghiệp đánh giá là không phải đi lại nhiều lần để giải quyết thủ tục hành chính(chỉ số này có tăng 2% so với năm 2019, tuy nhiên vẫn thấp hơn trung bình cả nước).

Giải pháp để nâng cao chỉ số:

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính; mỗi ngành, đơn vị, địa phương giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 đảm bảo tỷ lệ theo mục tiêu Kế hoạch số 80/KH-UBND ngày 20/4/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên về thực hiện Chương trình Chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

- Tăng cường công tác truyền thông đến người dân và doanh nghiệp về khả năng đáp ứng về công nghệ thông tin trong thực hiện các thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh.

- Giao chỉ tiêu cho cấp huyện thực hiện chỉ tiêu kết nối thủ tục hành chính qua mạng từ cấp xã - cấp huyện - cấp tỉnh.

- Thực hiện đầy đủ quy định của Chính phủ về cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thực hiện nghiêm Chi thị số 20/CT-TTg ngày 17/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh công tác thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp.

5. Về Chỉ số: Chi phí không chính thức

Năm 2020, đạt 6,89 điểm, xếp thứ 20/63, tăng 0,58 điểm, tăng 7 bậc xếp hạng. Năm 2020 biến động tăng về điểm số và thứ hạng tăng 8 bậc cho thấy sự có sự chuyển biến tích cực trong trong 3 năm gần đây đều tăng về số tuyệt đối. Nhận thức và thái độ của cán bộ, công chức có sự thay đổi rõ rệt, tình trạng những nhiều trong thực thi công vụ có thay đổi tích cực. Cụ thể năm 2018 đạt 5,93 điểm, tăng 0,27 điểm, xếp thứ 35/63 tỉnh, thành phố; năm 2019 đạt 6,31 điểm, tăng 0,38 điểm, xếp thứ 28/63 tỉnh, thành phố. Tuy nhiên các doanh nghiệp có đánh giá tình trạng những nhiều khi giải quyết TTHC cho DN phổ biến là 56% tăng cao hơn năm 2019.

(Phụ biểu 05: So sánh các chỉ số đánh giá PCI về Chi số Chi phí không chính thức của tỉnh Thái Nguyên năm 2020)

Theo kết quả điều tra, đánh giá của VCCI có kết quả:

- Còn 56% doanh nghiệp đánh giá tình trạng phổ biến những nhiễu khi giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp, tăng 5% so với năm 2019, bằng mức trung bình cả nước (TB cả nước là 54%).

- Có 26% doanh nghiệp xác nhận có chi phí không chính thức cho cán bộ thanh tra, giữ nguyên so với năm 2019, thấp hơn trung bình cả nước. Cao nhất cả nước là 45%.

- Còn 30% doanh nghiệp đánh giá: Chi phí không chính thức là điều kiện bắt buộc để đảm bảo trúng thầu, giảm 3% so với năm 2019, thấp hơn trung bình cả nước 10%.

- Có 30% doanh nghiệp đánh giá tình trạng chạy án là phổ biến (năm 2019 là 28%, tăng 2%, cao nhất cả nước là 39%).

Chỉ số này đã có nhưng thay đổi đáng kể, để tiếp tục thực hiện tốt chỉ số này cần có cơ chế giám sát chặt chẽ hành vi của công chức khi thực thi công vụ, hạn chế việc doanh nghiệp phải trả chi phí không chính thức để đạt được việc mình mong muốn trong kinh doanh.

Giải pháp để nâng cao chỉ số:

- Thực hiện đầy đủ các nội dung trong quy chế một cửa, một cửa liên thông để hạn chế tối đa việc doanh nghiệp phải tiếp xúc trực tiếp với nhiều cơ quan chức năng trong giải quyết công việc.

- Các sở, ngành, địa phương tập trung thực hiện đồng bộ các biện pháp cải thiện chỉ số CPKCT. Trong đó phải tăng cường kiểm tra, giám sát cán bộ, công chức trong quá trình thực thi công vụ để kịp thời phát hiện, xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng “tham nhũng vặt”, nhiễu nhiễu, gây phiền hà doanh nghiệp của một bộ phận cán bộ, công chức, đặc biệt trong lĩnh vực đất đai.

- Đẩy mạnh đấu thầu qua mạng giúp các bên mời thầu, nhà thầu tiếp cận thông tin một cách dễ dàng hơn, giảm thiểu thời gian và các chi phí thực hiện TTHC; rà soát, điều chỉnh, giảm các cuộc thanh tra, kiểm tra chồng chéo, không cần thiết đối với doanh nghiệp.

- Tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, nâng cao chỉ số cạnh tranh bình đẳng.

- Nâng cao tính kỷ luật, trách nhiệm, tính chuyên nghiệp trong thực thi công vụ của công chức nhà nước khi giải quyết các công việc của doanh nghiệp.

6. Về Chỉ số: Cạnh tranh bình đẳng

Năm 2020 đạt 6,29 điểm, Giảm 0,3 điểm so với năm 2019 và giảm 21 bậc trong thứ tự xếp hạng đạt 45/63 tỉnh, thành (năm 2019 xếp hạng 24/63). Xem xét xu hướng trong 3 năm gần đây có xu hướng biến động tăng giảm về điểm số và

thứ tự xếp hạng, cụ thể: Năm 2018 đạt 5,8 điểm, tăng 0,64 điểm, xếp thứ 25/63 tỉnh, thành phố. Năm 2019 đạt 6,59 điểm, xếp thứ 24/63 tỉnh thành phố.

(Phụ biểu 06: So sánh các chỉ số đánh giá PCI về Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng của tỉnh Thái Nguyên năm 2020)

Theo kết quả điều tra, đánh giá của VCCI có kết quả:

- Có tới 56% doanh nghiệp đánh giá nguồn lực kinh doanh (đất đai, hợp đồng) chủ yếu rơi vào doanh nghiệp thân quen với cán bộ, cơ quan, giảm 6% so với năm 2019. Tương đương mức trung bình cả nước (58%).

- Có 33% doanh nghiệp đánh giá tính ưu tiên thu hút doanh nghiệp FDI hơn so phát triển doanh nghiệp tư nhân, giảm 7% so với năm 2019, cao hơn mức trung bình cả nước.

- Có 47% doanh nghiệp đánh giá ưu đãi doanh nghiệp lớn là trở ngại đối với bản thân doanh nghiệp. Tăng 4% so với đánh giá của năm 2019, thấp hơn 7% so với trung bình cả nước.

Đa số các chỉ số thành phần (có 8/14 chỉ số) đều có đánh giá kém hơn so với năm 2019. Cần có những giải pháp đồng bộ để cải thiện tích cực hơn chỉ số này.

Giải pháp để nâng cao chỉ số:

- Cần triển khai đầy đủ các quy định Luật Đấu thầu trong mua sắm hàng hóa; đấu thầu trong mua thuốc và thiết bị y tế; đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư dự án có sử dụng đất; đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án PPP; đấu thầu trong các dự án sử dụng vốn đầu tư công...

- Công khai kết quả trúng thầu trên mạng đấu thầu quốc gia, trên cổng thông tin điện tử của tỉnh.

- Thực hiện đúng lộ trình sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, thoái vốn nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước.

- Thực hiện chính sách ưu đãi đầu tư bình đẳng giữa doanh nghiệp tư nhân với doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp FDI.

7. Về Chỉ số: Tính năng động của chính quyền

Năm 2020 chỉ số này đạt 7,39 điểm, tăng 0,84 điểm so với năm 2019, xếp thứ 4/63 tỉnh, thành, tăng 22 bậc so với năm 2019, chỉ số này có thứ hạng cao nhất trong 10 chỉ số của tỉnh. Trong 3 năm gần đây, chỉ số này đều tăng về số tuyệt đối, nhưng thứ bậc xếp hạng có biến động không đồng nhất. Năm 2017 đạt 6,05 điểm, tăng 0,73 điểm, xếp thứ 15/63 tỉnh thành phố; Năm 2018 đạt 6,26 điểm, xếp thứ 9/63 tỉnh, thành phố; Năm 2019 đạt 6,55 điểm, xếp thứ 27/63 tỉnh, thành phố.

(Phụ biểu 07: So sánh các chỉ số đánh giá PCI về Chỉ số Tính năng động của tỉnh Thái Nguyên năm 2020)

Theo kết quả điều tra, đánh giá của VCCI có kết quả:

- Có 77% doanh nghiệp đánh giá UBND tỉnh năng động, sáng tạo trong giải quyết vấn đề mới phát sinh, tăng 6% so với năm 2019.

- Còn 77% doanh nghiệp đánh giá có sáng kiến hay ở cấp tỉnh nhưng chưa được thực hiện tốt ở cấp sở, ngành, tăng 4% so với năm 2019.

- Có 58% doanh nghiệp đánh giá lãnh đạo tỉnh có chủ trương đúng nhưng chưa được thực hiện tốt đối với cấp huyện, thành, thị. Tăng 4% so với năm 2019, thấp hơn trung bình cả nước.

- Có 79% doanh nghiệp đánh giá vướng mắc, khó khăn của DN được tháo gỡ kịp thời qua Đối thoại DN, bằng năm 2019 và cao hơn trung bình cả nước (74%).

- Tỷ lệ DN hài lòng với phản hồi, cách giải quyết của CQNN tỉnh đạt 89% xếp thứ 9 trong cả nước.

Giải pháp để nâng cao chỉ số:

- Tiếp tục đổi mới phương thức đối thoại của lãnh đạo cấp tỉnh với doanh nghiệp, giải quyết đề nghị của doanh nghiệp một cách trực diện theo thẩm quyền của từng sở ngành, lãnh đạo trực tiếp phụ trách; giảm bớt việc lấy ý kiến của nhiều cơ quan cho một vấn đề đã rõ về thẩm quyền.

- Cụ thể hóa các quy chế làm việc của cấp ủy vào bộ thủ tục hành chính của từng cấp để công khai với người dân, doanh nghiệp.

- Cắt giảm tối đa việc tổ chức cuộc họp tại công sở, tăng thời lượng đi cơ sở để trực tiếp giải quyết vướng mắc của doanh nghiệp.

- Tiếp tục đồng hành với doanh nghiệp để tháo gỡ khó khăn trong đầu tư kinh doanh.

8. Về Chỉ số: Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp

Năm 2020, đạt 5,63 điểm, giảm 0,42 điểm so với năm 2019. xếp thứ 43/63, giảm 5 bậc so với năm 2019. Trong 3 năm gần đây, Chỉ số này có sự điều chỉnh tăng, giảm cả về điểm số và thứ tự xếp hạng, năm 2017 đạt 6,0 điểm, xếp thứ 51/63 tỉnh thành; năm 2018 đạt 5,81 điểm, giảm 0,19 điểm so với năm 2017, xếp thứ 57/63 tỉnh thành; năm 2019 đạt 6,05 điểm, xếp thứ 39/63 tỉnh thành.

(Phụ biểu 08: So sánh các chỉ số đánh giá PCI về Chỉ số Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp của tỉnh Thái Nguyên năm 2020)

Theo kết quả điều tra, đánh giá của VCCI có kết quả:

- Chỉ có 0,12% số doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp (đâu là chỉ số thấp nhất cả nước).

Thực trạng hiện nay cơ chế chính sách về hỗ trợ doanh nghiệp rất nhiều nhưng triển khai thực hiện lại rất hạn chế. Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp còn nghèo nàn.

Nguyên nhân của tình trạng này là thiếu nguồn lực, không minh bạch về thủ tục hành chính, điều kiện giải ngân phức tạp qua nhiều cấp.

Giải pháp để nâng cao chỉ số:

- Thực hiện phương châm: ***Đồng hành cùng doanh nghiệp, kiến tạo môi trường tốt nhất cho doanh nghiệp.***

- Sở Công Thương tham mưu UBND tỉnh rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính ở nhiều lĩnh vực, đồng thời, niêm yết công khai trên cổng thông tin điện tử tỉnh, trang thông tin điện tử các sở, ngành, địa phương và tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh. Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Trung ương, tỉnh tới các cơ sở sản xuất, các doanh nghiệp trên địa bàn; hỗ trợ các doanh nghiệp có nhu cầu xây dựng trang thông tin thương mại điện tử. Tập trung đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng các cụm công nghiệp, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi để thu hút các nhà đầu tư; tăng cường tổ chức các chương trình xúc tiến thương mại, tạo cơ hội cho các doanh nghiệp tiếp cận các thông tin, cơ chế, chính sách của Nhà nước; thường xuyên theo dõi, cập nhật tình hình hoạt động của doanh nghiệp trên địa bàn để có giải đáp, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, cơ sở sản xuất thông qua các hội nghị, đối thoại với lãnh đạo UBND tỉnh.

- Tổ chức đối thoại với cộng đồng doanh nghiệp theo chuyên ngành, theo địa phương để kịp thời nắm bắt và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp trên địa bàn, tập trung thực hiện tốt chương trình “Ba đồng hành, Năm hỗ trợ” cho doanh nghiệp.

- Bố trí vốn nhà nước để thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp theo các quy định của Chính phủ và của tỉnh.

- Tăng vốn điều lệ, cấp đủ vốn điều lệ, công khai thủ tục tiếp cận các quỹ: Quỹ phát triển đất; Quỹ hỗ trợ đầu tư; Quỹ bảo lãnh tính dụng đối với doanh nghiệp để hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh.

- Tạo quỹ đất sạch trong các khu, cụm công nghiệp để doanh nghiệp thuê đất đầu tư sản xuất kinh doanh.

- Tăng cường công tác trợ giúp pháp lý đối với doanh nghiệp trong việc thành lập, tìm kiếm thị trường, xúc tiến thương mại, giải quyết tranh chấp hợp

đồng kinh tế.

9. Về Chỉ số: Đào tạo lao động và tạo việc làm

Năm 2020, đạt 7,42 điểm, giảm 0,46 điểm so với năm 2019, xếp thứ 7/63 tỉnh, thành trong cả nước và giảm 2 bậc xếp hạng so với năm 2019. Chỉ số này là lợi thế của Thái Nguyên, trong năm qua đã có biến động giảm cả về điểm số và thứ hạng, tuy nhiên biên độ giảm không nhiều, năm 2019 đạt 7,88 điểm, xếp thứ 5/63 tỉnh, thành phố.

(Phụ biểu 09: So sánh các chỉ số đánh giá PCI về Chỉ số Đào tạo và việc làm của tỉnh Thái Nguyên năm 2020)

Theo kết quả điều tra, đánh giá của VCCI có kết quả:

- Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá giáo dục phổ thông tại tỉnh có chất lượng tốt đạt 71%, tăng 5% so với năm 2019, cao hơn trung bình cả nước.
- Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá giáo dục dạy nghề tại tỉnh có chất lượng tốt đạt 62%, tăng 13% so với năm 2019, thuộc nhóm cao trong cả nước.
- Chỉ có 54% doanh nghiệp đã từng sử dụng cho dịch vụ giới thiệu việc làm tại tỉnh tương đương với năm 2019 (thuộc nhóm có tỷ lệ thấp của cả nước). Trong đó sử dụng dịch vụ giới thiệu việc làm thuộc khối tư nhân là 79%.
- 92% lao động tại tỉnh đáp ứng được nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp (thuộc nhóm tỉnh có tỷ lệ thấp cao nhất cả nước, cao nhất là 99%).

Đây là lợi thế lớn của tỉnh năm 2020 tỷ lệ lao động qua đào tạo đang làm việc tại DN của tỉnh đạt 64 %. Do vậy, cần tiếp tục nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 là đòi hỏi cấp bách để duy trì chỉ số Đào tạo lao động và việc làm.

Giải pháp để nâng cao chỉ số:

- Cần gắn kết đào tạo giữa nhà trường với nhu cầu sử dụng lao động; Cải thiện, nâng cao chất lượng lao động; tuyên truyền giáo dục hướng nghiệp cho người lao động; đẩy mạnh phối hợp giữa nhà trường và DN, giáo dục văn hóa nghề nghiệp, bồi dưỡng kỹ năng mềm cho người lao động; hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị tại các trường, cơ sở đào tạo nghề.
- Có chính sách hỗ trợ đối với doanh nghiệp làm dịch vụ hỗ trợ tuyển dụng lao động.
- Sơ Lao động - Thương binh và Xã hội nghiên cứu và tham mưu cơ chế chính sách hỗ trợ đào tạo, tuyển dụng lao động theo quy định của pháp luật đối với các dự án thuộc lĩnh vực, ngành nghề khuyến khích thu hút đầu tư vào tỉnh. Chủ trì xây dựng các thủ tục và điều kiện thành lập, hoạt động đối với các tổ chức đào tạo nghề ngoài công lập, tham mưu các giải pháp hỗ trợ tạo thuận lợi

cho khu vực tư nhân trong và ngoài nước, các tổ chức xã hội tham gia đào tạo nghề nghiệp; khuyến khích các doanh nghiệp khởi nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đào tạo lao động, cung ứng nguồn lao động đáp ứng nhu cầu về chất lượng nguồn nhân lực cho phát triển của tỉnh.

10. Chỉ số: Thiết chế pháp lý và ANTT.

Chỉ số này qua 5 năm đều có biến động tăng. Năm 2020, đạt 7,34 điểm, tăng 0,21 điểm so với năm 2019, xếp thứ 12/63 tỉnh, thành phố; tăng 3 bậc so với năm 2019; năm 2018 đạt 6,4 điểm, giảm 0,02 điểm so với năm 2017, xếp thứ 21/63 tỉnh, thành phố; năm 2019 đạt 7,13 điểm, tăng 0,73 điểm so với năm 2018, xếp thứ 15/63 tỉnh, thành phố. Phản ánh của chỉ số cho thấy thiết chế pháp lý và an ninh trật tự của tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực, được cộng đồng doanh nghiệp đánh giá cao, tạo sự tin tưởng, yên tâm sản xuất kinh doanh.

(Phụ biểu 10: So sánh các chỉ số đánh giá PCI về Chỉ số Thiết chế pháp lý và ANTT của tỉnh Thái Nguyên năm 2020)

Theo kết quả điều tra, đánh giá của VCCI có kết quả:

- Còn có 1,79% số doanh nghiệp phải trả tiền bảo kê cho băng nhóm con đò, xã hội đen để yên ổn làm ăn. Tăng 0,79% so với năm 2019, thuộc nhóm thấp nhất cả nước.
- Có 66% doanh nghiệp đánh giá tình hình an ninh trật tự tại tỉnh là tốt, tương đương năm 2018.
- 95% doanh nghiệp đánh giá Tòa án các cấp xét xử các vụ án kinh tế đúng pháp luật.

Giải pháp để nâng cao chỉ số:

- Cần tuân thủ quy định đánh giá tác động của thủ tục hành chính khi ban hành văn bản quy phạm pháp luật có thủ tục hành chính, hạn chế tối đa phát sinh tăng thủ tục hành chính mang tính địa phương.
- Tiếp tục thực hiện rà soát các văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành liên quan đến hoạt động đầu tư kinh doanh của doanh nghiệp.
- UBND tỉnh yêu cầu các sở, ngành, địa phương đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật có liên quan đến các lĩnh vực đầu tư, kinh doanh cho cộng đồng doanh nghiệp. Chủ động kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm do HĐND và UBND tỉnh ban hành, nhất là các văn bản liên quan đến lĩnh vực thuế, phí, lệ phí, tài chính, lao động, đầu tư, doanh nghiệp để tham mưu xử lý cho phù hợp.

Tòa án nhân dân các cấp tiếp tục nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống tư pháp, đặc biệt là trong giải quyết tranh chấp kinh tế cũng như

khieu nại, tố cáo của doanh nghiệp, nhà đầu tư; công bố công khai các trình tự, thủ tục tố tụng, khiếu nại, tố cáo và quy định rõ thời gian giải quyết các vụ việc, đảm bảo được nhanh chóng, công bằng, hợp lý; hỗ trợ, hướng dẫn doanh nghiệp trong việc lập thủ tục, hồ sơ khiếu nại, giải quyết tranh chấp.

II. Phương hướng, nhiệm vụ năm 2021

1. Triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính Phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2021; Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 29/3/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); trong đó tập trung triển khai hiệu quả 07 nhóm giải pháp chính đến từng đơn vị địa phương. Kế hoạch 05/KH-UBND ngày 19/01/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên về thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/CP ngày 01/1/2021 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2021; Kế hoạch 74/KH-UBND ngày 24/5/2019 của UBND tỉnh Thái Nguyên về thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 29/3/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

2. Tiếp tục triển khai có hiệu quả chương trình gặp mặt định kỳ giữa Lãnh đạo tỉnh với doanh nghiệp theo hướng giản dị, gần gũi để lắng nghe nhằm kịp thời giải quyết các tồn tại vướng mắc của doanh nghiệp một cách thực chất và có ý nghĩa để tạo niềm tin trong cộng đồng doanh nghiệp; tổ chức định kỳ mô hình Trà/Cà phê Doanh nhân nhằm nâng cao tính năng động của các cấp chính quyền trong việc giải quyết nhanh các vấn đề của doanh nghiệp; các Sở, ngành, địa phương tăng cường tổ chức đối thoại với doanh nghiệp theo kế hoạch đề ra, nhất là các lĩnh vực mà doanh nghiệp thường có những vướng mắc như: Chính sách về thuế, đất đai và đền bù giải phóng mặt bằng, kết nối ngân hàng và doanh nghiệp.... Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả chuyên mục hỏi đáp trực tuyến giữa các cơ quan nhà nước với doanh nghiệp nhằm tạo kênh thông tin để doanh nghiệp phản ánh, đề đạt ý kiến tới các cơ quan nhà nước.

3. Các Sở, ngành và địa phương đẩy mạnh công tác cải cách hành chính theo hướng giảm đầu mối thực hiện, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm thời gian giải quyết, nhất là công tác phối kết hợp trong giải phóng mặt bằng; đẩy mạnh hơn nữa triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến, trả kết quả TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích,...

4. Các sở, ngành của tỉnh, UBND các huyện, thành phố, thị xã căn cứ Kế hoạch hành động số 61/KH-UBND ngày 30/6/2016 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết 35 của Chính phủ về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp; Kế

hoạch số 05/KH-UBND ngày 19/01/2021 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết 02/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2021 để xây dựng kế hoạch thực hiện của đơn vị mình; tiếp tục thực hiện việc đối thoại với Doanh nghiệp nhằm nắm bắt thông tin để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho Doanh nghiệp.

5. Từng thành viên Ban chỉ đạo bám sát nội dung kiểm điểm, có trách nhiệm triển khai thực hiện ngay những giải pháp có liên quan đến các chỉ số có gắn liền với chuyên môn thuộc ngành, lĩnh vực mình quản lý và được giao nhiệm vụ.

6. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì xây dựng Đề án cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025 trình ban hành quý III năm 2021; Nghiên cứu, tham khảo học tập thông qua Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các tỉnh bạn, phối hợp Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh xây dựng bộ Chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và địa phương (DDCI) thuộc tỉnh Thái Nguyên trình Ban chỉ đạo đưa vào đánh giá trong năm 2021.

7. Giao Sở Công Thương chủ trì nghiên cứu kết quả chỉ số PCI của tỉnh năm 2020, xây dựng riêng kế hoạch để cải thiện chỉ số Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp năm 2021; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì nghiên cứu kết quả chỉ số PCI của tỉnh năm 2020, xây dựng riêng kế hoạch để cải thiện chỉ số Đào tạo lao động năm 2021; đối với chỉ số Tỉnh minh bạch, Cạnh tranh bình đẳng và các chỉ số còn lại yêu cầu các Sở, ban, ngành phải vào cuộc xây dựng nội dung triển khai thực hiện để đạt được kết quả cao trong năm 2021.

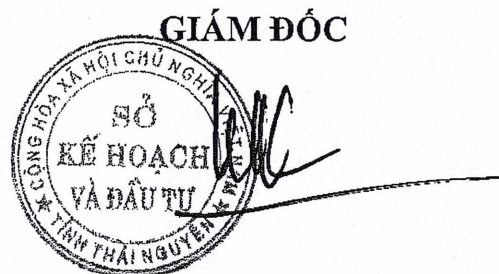
8. Các cơ quan tuyên thông, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, các huyện, thành phố, thị xã tăng cường tuyên truyền, phổ biến các cơ chế chính sách của nhà nước về hỗ trợ doanh nghiệp.

Trên đây là Báo cáo đánh giá kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) tỉnh Thái Nguyên năm 2020, phương hướng nhiệm vụ năm 2021, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định./. *K/*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, TTXĐT.

đkt



Nguyễn Linh

PHỤ BIỂU I: TỔNG HỢP CÁC CHỈ SỐ THÀNH PHẦN PCI TỈNH THÁI NGUYÊN NĂM 2020

Chỉ tiêu	Điểm số PCI	CSTP 1: Gia nhập thị trường	CSTP 2: Tiếp cận đất đai	CSTP 3: Tính Minh bạch	CSTP 4: Chi phí thời gian	CSTP 5: Chi phí không chính thức	CSTP 6: Cạnh tranh bình đẳng	CSTP 7: Tính năng động	CSTP 8: Dịch vụ Hỗ trợ doanh nghiệp	CSTP 9: Đào tạo lao động	CSTP 10: Thiết chế pháp lý & ANTT
Năm 2019	67,71	7,36	6,07	6,69	6,63	6,31	6,59	6,55	6,05	7,88	7,13
Thấp nhất	59,95	5,86	5,18	5,98	5,15	4,71	4,55	5,26	4,85	5,45	5,27
Trung vị	65,13	7,24	6,94	6,64	6,87	6,20	6,35	6,26	6,17	6,70	6,53
Cao nhất	73,40	8,65	7,89	7,44	8,80	8,29	8,01	8,37	7,39	8,24	7,91
Xếp hạng	12	29	60	29	40	27	24	26	38	5	15
Năm 2020	66,56	8,35	6,68	5,85	7,70	6,89	6,29	7,39	5,63	7,42	7,34
Thấp nhất	59,61	6,24	5,61	4,81	6,04	4,96	5,03	5,09	4,76	5,13	5,17
Trung vị	63,44	7,81	6,66	5,85	7,71	6,62	6,59	6,37	5,91	6,52	6,80
Cao nhất	75,09	9,14	7,96	6,77	9,50	8,09	8,81	8,22	7,58	8,41	8,32
Thứ hạng	11	13	31	32	34	20	45	4	43	7	12

PHỤ BIỂU 01: CHỈ SỐ GIA NHẬP THỊ TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN NĂM 2020

Chỉ tiêu	CSTP1: Gia nhập thị trường	Số ngày đăng ký doanh nghiệp (trung vị)*	Số ngày thay đổi ĐKDN (trung vị)*	Phải chờ hơn 1 tháng hoàn thành các thủ tục để chính thức hoạt động (% DN)*	Phải chờ hơn 3 tháng hoàn thành các thủ tục để chính thức hoạt động (% DN)*	Tỷ lệ DN đăng ký kinh doanh qua phương thức trực tuyến, TTHCC, bưu điện (%)	Thủ tục (thay đổi) ĐKDN: Thủ tục được niêm yết công khai (%)	Thủ tục (thay đổi) ĐKDN: Cán bộ hướng dẫn rõ ràng, đầy đủ (%)	Thủ tục (thay đổi) ĐKDN: Cán bộ am hiểu chuyên môn (%)	Thủ tục (thay đổi) ĐKDN: Cán bộ nhiệt tình, thân thiện (%)	Thủ tục (thay đổi) ĐKDN: Ứng dụng CNTT tốt (%)
Năm 2019	7,36	7	7	26%	4%	19%	87%	83%	87%	83%	30%
Năm 2020	8,35	6	5,5	20%	3%	25%	94%	100%	94%	90%	68%
Thấp nhất	6,24	2	1	0%	0%	10%	50%	48%	32%	32%	3%
Trung vị	7,81	6	3,5	12%	0%	57%	78%	84%	73%	79%	39%
Cao nhất	9,14	9	7	40%	14%	92%	100%	100%	94%	97%	88%
Thứ hạng	13	26	51	52	40	58	6	1	2	5	7

(* Ghi chú: Trong số các chỉ tiêu được liệt kê ở đây, một số chỉ tiêu là chỉ tiêu thuận (giá trị càng cao thì càng tích cực và thứ hạng càng tốt), và một số chỉ tiêu còn lại là chỉ tiêu nghịch (giá trị càng cao thì càng tiêu cực và thứ hạng càng không tốt).

Dấu hoa thị (*) được bổ sung ở cuối tên các chỉ tiêu nghịch để phân biệt với các chỉ tiêu thuận.

PHỤ BIỂU 02: CHỈ SỐ TIẾP CẬN ĐẤT ĐAI TỈNH THÁI NGUYÊN NĂM 2020

Chỉ tiêu	CSTP 2: Tiếp cận đất đai	Tỷ lệ DN có mặt bằng kinh doanh và có GCNQSDĐ (%)	Số ngày chờ đợi để được cấp GCNQSDĐ (trung vị) *	DN đánh giá rủi ro bị thu hồi đất (1=Rất thấp; 5=Rất cao) *	DN không gặp cản trở về tiếp cận/mở rộng mặt bằng kinh doanh (%)	Khó khăn về thiếu quỹ đất sạch (%) *	Giải phóng mặt bằng chậm (%) *	Việc cung cấp thông tin về đất đai không thuận lợi, nhanh chóng (%) *	Nếu bị thu hồi đất, DN sẽ được bồi thường thỏa đáng (%)	Thay đổi khung giá đất của tỉnh phù hợp với thay đổi giá thị trường (%)	DN thực hiện TTHC đất đai trong vòng 2 năm qua không gặp khó khăn (%)	Không có GCNQSDĐ do lo ngại TTHC rườm rà/cán bộ những nhiều (%) *
Năm 2019	6,07	40%	25	1,69	51%	14%	35%	45%	26%	81%	18%	12%
Năm 2020	6,68	51%	50	1,89	45%	12%	22%	20%	30%	85%	36%	19%
Thấp nhất	5,61	31%	8	1,38	33%	5%	0%	14%	12%	60%	14%	2%
Trung vị	6,66	49%	30	1,60	46%	18%	15%	30%	28%	80%	29%	12%
Cao nhất	7,96	71%	75	2,08	73%	43%	40%	49%	54%	91%	60%	28%
Thứ hạng	31	30	54	61	39	10	49	6	24	10	21	54

Trong số các chỉ tiêu được liệt kê ở đây, một số chỉ tiêu là chỉ tiêu thuận (giá trị càng cao thì càng tích cực và thứ hạng càng tốt), và một số chỉ tiêu còn lại là chỉ tiêu nghịch (giá trị càng cao thì càng tiêu cực và thứ hạng càng không tốt).

(*) Ghi chú:

Dấu hoa thị (*) được bổ sung ở cuối tên các chỉ tiêu nghịch để phân biệt với các chỉ tiêu thuận.

PHỤ BIỂU 03: CHỈ SỐ MINH BẠCH TỈNH THÁI NGUYÊN NĂM 2020

Chỉ tiêu	CSTP 3: Tỉnh Minh bạch	Tiếp cận tài liệu quy hoạch (1=Không thể; 5=Rất dễ)	Tiếp cận tài liệu pháp lý (1=Không thể; 5=Rất dễ)	Các tài liệu về ngân sách đủ chi tiết để DN sử dụng cho hoạt động kinh doanh (%)	Thông tin mời thầu được công khai (%)	Tỷ lệ DN nhận được thông tin, văn bản sau khi đề nghị CQNN của tỉnh cung cấp (%)	Số ngày để nhận được thông tin, văn bản sau khi đã đề nghị cung cấp (trung vị) *	Cần có 'môi quan hệ' để có được các tài liệu của tỉnh (%) *	Thỏa thuận' khoản thuế phải nộp với CB thuế là công việc quan trọng(%) *	Dự liệu được việc thực thi của tỉnh đối với QĐPL của TW (% chắc chắn) *	HHDN có vai trò quan trọng trong xây dựng chính sách, quy định của tỉnh (%)	Điểm số về độ mở và chất lượng trang web của tỉnh	Tỷ lệ DN truy cập vào website của tỉnh (%)
Năm 2019	6,69	2,58	3,14	83%	38%	60%	3,00	58%	41%	7%	52%	34,00	84%
Năm 2020	5,85	2,60	3,09	93%	38%	45%	5,00	60%	43%	8%	60%	30,25	55%
Thấp nhất	4,81	2,03	2,53	56%	13%	35%	1,00	32%	32%	1%	26%	23,75	38%
Trung vị	5,85	2,54	3,03	83%	52%	56%	3,00	57%	53%	6%	48%	34,50	53%
Cao nhất	6,77	2,88	3,33	100%	74%	83%	10,00	79%	70%	22%	71%	45,00	70%
Thứ hạng	32	27	22	3	58	53	43	41	3	12	7	55	26

(* Ghi chú: Trong số các chỉ tiêu được liệt kê ở đây, một số chỉ tiêu là chỉ tiêu thuận (giá trị càng cao thì càng tích cực và thứ hạng càng tốt), và một số chỉ tiêu còn lại là chỉ tiêu nghịch (giá trị càng cao thì càng tiêu cực và thứ hạng càng không tốt).
Dấu hoa thị (*) được bổ sung ở cuối tên các chỉ tiêu nghịch để phân biệt với các chỉ tiêu thuận.

PHỤ BIỂU 04: CHỈ SỐ CHI PHÍ THỜI GIAN TÌNH THÁI NGUYÊN NĂM 2020

Chỉ tiêu	CSTP 4: Chi phí thời gian	Tỷ lệ DN dành hơn 10% quỹ thời gian để tìm hiểu và thực hiện QĐPL *	CBCC giải quyết công việc hiệu quả (%)	CBCC thân thiện (%)	DN không phải đi lại nhiều lần để hoàn tất thủ tục (%)	Thủ tục giấy tờ đơn giản (%)	Phí, lệ phí được niêm yết công khai (%)	Thời gian thực hiện TTHC được rút ngắn hơn so với quy định(%)	Tỷ lệ DN bị thanh, kiểm tra từ 5 cuộc trở lên trong năm(%) *	Nội dung thanh, kiểm tra bị trùng lặp (%) *	Số giờ trung vị cho mỗi cuộc làm việc với thanh tra, kiểm tra thuế *	Thanh, kiểm tra tạo cơ hội cho cán bộ những nhiều DN(%) *
Năm 2019	6,63	32%	78%	70%	56%	58%	96%	72%	3%	7%	40	11%
Năm 2020	7,70	28%	86%	73%	58%	58%	97%	76%	1%	4%	24	7%
Thấp nhất	6,04	10%	73%	67%	49%	53%	89%	62%	0%	2%	2	3%
Trung vị	7,71	22%	84%	80%	69%	66%	95%	76%	3%	8%	8	14%
Cao nhất	9,50	36%	96%	96%	81%	82%	99%	87%	10%	21%	36	40%
Thứ hạng	34	52	27	54	59	51	15	28	4	5	48	6

(*) Ghi chú:

Trong số các chỉ tiêu được liệt kê ở đây, một số chỉ tiêu là chỉ tiêu thuận (giá trị càng cao thì càng tích cực và thứ hạng càng tốt), và một số chỉ tiêu còn lại là chỉ tiêu nghịch (giá trị càng cao thì càng tiêu cực và thứ hạng càng không tốt).
Dấu hoa thị (*) được bổ sung ở cuối tên các chỉ tiêu nghịch để phân biệt với các chỉ tiêu thuận.

PHỤ BIỂU 05: CHỈ SỐ CHI PHÍ KHÔNG CHÍNH THỨC TỈNH THÁI NGUYÊN NĂM 2020

Chỉ tiêu	CSTP 5: Chi phí không chính thức	Các DN cùng ngành thường phải trả thêm các khoản CPKCT (%) *	Công việc đạt được kết quả mong đợi sau khi trả CPKCT (% luôn luôn/hầu hết)	Tình trạng những nhiều khi giải quyết TTHC cho DN là phổ biến (% Đồng ý) *	Các khoản CPKCT ở mức chấp nhận được (% Đồng ý)	Tỷ lệ DN có chi trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra (%) *	Tỷ lệ DN phải chi hơn 10% doanh thu cho các loại CPKCT (%) *	Tỷ lệ DN có chi trả CPKCT trong thực hiện TTHC đạt đai(%) *	Chi trả CPKCT là điều bắt buộc để đảm bảo trúng thầu (% Đồng ý) *	DN lo ngại tình trạng 'chạy án' là phổ biến (%) *
Năm 2019	6,31	54%	72%	51%	87%	38%	9%	50%	33%	28%
Năm 2020	6,89	47%	63%	56%	88%	26%	1%	31%	30%	30%
Thấp nhất	4,96	26%	37%	32%	74%	13%	1%	0%	18%	7%
Trung vị	6,62	45%	58%	54%	84%	28%	5%	32%	40%	23%
Cao nhất	8,09	62%	92%	65%	95%	45%	16%	61%	65%	39%
Thứ hạng	20	39	22	38	13	26	1	31	12	52

(*) Ghi chú:

Trong số các chỉ tiêu được liệt kê ở đây, một số chỉ tiêu là chỉ tiêu thuận (giá trị càng cao thì càng tích cực và thứ hạng càng tốt), và một số chỉ tiêu còn lại là chỉ tiêu nghịch (giá trị càng cao thì càng tiêu cực và thứ hạng càng không tốt).

Dấu hoa thị (*) được bổ sung ở cuối tên các chỉ tiêu nghịch để phân biệt với các chỉ tiêu thuận.

PHỤ BIỂU 06: CHỈ SỐ CHI PHÍ CẠNH TRANH BÌNH ĐẲNG TỈNH THÁI NGUYÊN NĂM 2020

Chỉ tiêu	CSTP 6: Cạnh tranh bình đẳng	Việc tính ưu ái cho các DNN N gây khó khăn cho DN” (% Đồng ý) *	DNNN thuận lợi hơn trong tiếp cận đất đai (% Đồng ý) *	DNNN thuận lợi hơn trong tiếp cận các khoản vay (% Đồng ý) *	DNN N thuận lợi hơn trong cấp phép khai thác khoáng sản (% Đồng ý) *	DNNN thuận lợi hơn trong việc thực hiện các TTHC (% Đồng ý) *	DNNN thuận lợi hơn trong việc có được các hợp đồng từ CQNN (% Đồng ý) *	DN FDI được ưu tiên giải quyết các khó khăn hơn DN dân doanh (% Đồng ý) *	Tình ưu tiên thu hút FDI hơn là phát triển khu vực tư nhân (% Đồng ý) *	DN FDI thuận lợi hơn trong tiếp cận đất đai (% Đồng ý) *	DN FDI có đặc quyền trong miễn/giảm thuế TNDN(% Đồng ý) *	DN FDI thuận lợi hơn trong thực hiện các TTHC (% Đồng ý) *	DN FDI trong hoạt động nhận được nhiều quan tâm hỗ trợ hơn(% Đồng ý) *	Nguồn lực kinh doanh (hợp đồng, đất đai...) chủ yếu rơi vào DN thân quen CBC Q *	Ưu đãi DN lớn(nhà nước và tư nhân) là trở ngại cho bản thân DN (% Đồng ý) *
Năm 2019	6,59	27%	17%	19%	8%	11%	19%	51%	40%	29%	31%	18%	28%	62%	43%
Năm 2020	6,29	33%	31%	23%	14%	15%	20%	39%	33%	26%	22%	13%	20%	56%	47%
Thấp nhất	5,03	12%	10%	7%	4%	6%	6%	23%	15%	8%	5%	8%	5%	37%	34%
Trung vị	6,59	25%	18%	18%	11%	14%	15%	44%	29%	17%	14%	13%	17%	58%	54%
Cao nhất	8,81	37%	31%	33%	23%	27%	29%	65%	48%	31%	27%	30%	31%	70%	71%
Thứ hạng	45	58	62	57	47	35	55	19	45	59	58	35	47	25	15

(*) Ghi chú: Trong số các chỉ tiêu được liệt kê ở đây, một số chỉ tiêu là chỉ tiêu thuận (giá trị càng cao thì càng tích cực và thứ hạng càng tốt), và một số chỉ tiêu còn lại là chỉ tiêu nghịch (giá trị càng cao thì càng tiêu cực và thứ hạng càng không tốt).
Dấu hoa thị (*) được bổ sung ở cuối tên các chỉ tiêu nghịch để phân biệt với các chỉ tiêu thuận.

PHỤ BIỂU 07: CHỈ SỐ TÍNH NĂNG ĐỘNG TỈNH THÁI NGUYÊN NĂM 2020

Chỉ tiêu	CSTP 7: Tính năng động	UBND tỉnh vận dụng pháp luật linh hoạt nhằm tạo MTKD thuận lợi cho KTTN (%)	UBND tỉnh năng động, sáng tạo trong giải quyết vấn đề mới phát sinh (%)	Thái độ của chính quyền tỉnh với khu vực KTTN là tích cực (%)	Có sáng kiến hay ở cấp tỉnh, nhưng chưa được thực thi tốt ở các sở/ngành (%) *	Lãnh đạo tỉnh có chủ trương đúng, nhưng chưa được thực hiện tốt ở cấp huyện/thị *	Khi CS,PL TW có điểm chưa rõ, CQ tỉnh thường 'đợi xin ý kiến chỉ đạo' hoặc 'không làm gì' *	Vướng mắc, khó khăn của DN được tháo gỡ kịp thời qua Đối thoại DN (%)	DN nhận được phản hồi của CQNN tỉnh sau khi phản ánh khó khăn, vướng mắc (%)	Tỷ lệ DN hài lòng với phản hồi/cách giải quyết của CQNN tỉnh (%)
Năm 2019	6,55	83%	71%	53%	73%	54%	33%	79%	89%	92%
Năm 2020	7,39	92%	77%	68%	77%	58%	23%	79%	98%	89%
Thấp nhất	5,09	59%	51%	28%	43%	34%	11%	53%	76%	56%
Trung vị	6,37	81%	72%	50%	74%	60%	26%	74%	95%	80%
Cao nhất	8,22	93%	87%	73%	85%	80%	47%	88%	100%	100%
Thứ hạng	4	3	17	2	52	23	23	13	16	9

(* Ghi chú: Trong số các chỉ tiêu được liệt kê ở đây, một số chỉ tiêu là chỉ tiêu thuận (giá trị càng cao thì càng tích cực và thứ hạng càng tốt), và một số chỉ tiêu còn lại là chỉ tiêu nghịch (giá trị càng cao thì càng tiêu cực và thứ hạng càng không tốt).

Dấu hoa thị (*) được bổ sung ở cuối tên các chỉ tiêu nghịch để phân biệt với các chỉ tiêu thuận.

Phụ biểu 08: CHỈ SỐ DỊCH VỤ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP CỦA TỈNH THÁI NGUYÊN 2020

Năm	CSTP 8: Dịch vụ Hỗ trợ doanh nghiệp	Số hội chợ thương mại do tỉnh tổ chức trong năm vừa qua	Tỷ lệ DN cung cấp dịch vụ (CCDV) trên tổng số DN (%)	Tỷ lệ DN CCDV tư nhân và FDI trên tổng số DN CCDV (%)	DN từng sử dụng dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường (TTTT) (%)	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ tìm kiếm TTTT (%)	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ tìm kiếm TTTT (%)	DN từng sử dụng dịch vụ tư vấn về pháp luật (TVPL) (%)	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ TVPL (%)	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ TVPL (%)	DN từng sử dụng dịch vụ tìm kiếm đối tác kinh doanh (ĐTKD) (%)	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ tìm kiếm ĐTKD (%)
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Năm 2019	6,05	6	0,12%	25%	57%	58%	92%	70%	60%	67%	47%	94%
Năm 2020	5,63	6	0,12%	20%	42%	64%	71%	55%	57%	81%	42%	77%
Thấp nhất	4,76	3	0,12%	20%	21%	21%	14%	16%	0%	19%	16%	20%
Trung bình	5,91	14	0,69%	82%	57%	52%	64%	60%	48%	62%	49%	63%
Cao nhất	7,58	20	3,29%	97%	81%	89%	88%	85%	76%	92%	77%	92%
Xếp hạng	43	59	63	62	54	13	22	42	18	4	43	8

Năm	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ tìm kiếm ĐTKD (%)	DN từng sử dụng dịch vụ xúc tiến thương mại (XTTM) (%)	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ XTTM (%)	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ XTTM (%)	DN từng sử dụng dịch vụ liên quan tới công nghệ (%)	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ liên quan tới công nghệ (%)	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ liên quan tới công nghệ (%)	DN từng sử dụng dịch vụ đào tạo về kế toán, tài chính (KTTC) (%)	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ đào tạo về KTTC (%)	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ đào tạo về KTTC (%)	DN từng sử dụng dịch vụ đào tạo về quản trị kinh doanh (QTKD) (%)	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ đào tạo về QTKD (%)	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ đào tạo về QTKD (%)
	130	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
Năm 2019	69%	83%	63%	68%	65%	36%	73%	44%	71%	71%	43%	70%	80%
Năm 2020	69%	57%	42%	67%	53%	67%	67%	54%	60%	75%	38%	73%	73%
Thấp nhất	23%	21%	6%	18%	24%	6%	6%	25%	5%	18%	23%	12%	16%
Trung bình	59%	63%	43%	52%	57%	56%	55%	60%	54%	58%	59%	56%	56%
Cao nhất	100%	88%	80%	89%	78%	100%	92%	85%	83%	93%	81%	89%	92%
Xếp hạng	15	40	38	17	41	18	15	41	21	8	55	7	13

PHỤ BIỂU 09: CHỈ SỐ ĐÀO TẠO LAO ĐỘNG TỈNH THÁI NGUYÊN NĂM 2020

Chỉ tiêu	CSTP 9: Đào tạo lao động	Tỷ lệ DN đánh giá Giáo dục phổ thông tại tỉnh có chất lượng Tốt (%)	Tỷ lệ DN đánh giá Giáo dục đạy nghề tại tỉnh có chất lượng Tốt (%)	DN từng sử dụng dịch vụ Giới thiệu việc làm (GTVL) tại tỉnh (%)	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ GTVL (%)	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ GTVL (%)	Phần trăm tổng chi phí kinh doanh dành cho Đào tạo lao động (%)*	Phần trăm tổng chi phí kinh doanh dành cho Tuyển dụng lao động (%)*	Lao động tại tỉnh đáp ứng được nhu cầu sử dụng của DN (%)	Tỷ lệ lao động qua đào tạo /số lao động chưa qua đào tạo (%)	Tỷ lệ lao động qua đào tạo trên tổng lực lượng lao động (%)	Tỷ lệ lao động qua đào tạo đang làm việc tại DN (%)
Năm 2019	7,88	66%	49%	53%	81%	56%	5,37	3,63	94%	14%	14%	62
Năm 2020	7,42	71%	62%	54%	79%	57%	4,72	4,62	92%	7%	17%	64
Thấp nhất	5,13	43%	28%	26%	28%	25%	2,93	1,56	81%	1%	3%	34
Trung vị	6,52	63%	47%	60%	61%	57%	5,49	4,05	93%	5%	12%	58
Cao nhất	8,41	81%	67%	85%	92%	87%	10,25	8,49	99%	11%	20%	70
Thứ hạng	7	12	3	42	3	32	22	43	38	17	11	7

(*) Ghi chú:

Trong số các chỉ tiêu được liệt kê ở đây, một số chỉ tiêu là chỉ tiêu thuận (giá trị càng cao thì càng tích cực và thứ hạng càng tốt), và một số chỉ tiêu còn lại là chỉ tiêu nghịch (giá trị càng cao thì càng tiêu cực và thứ hạng càng không tốt). Dấu hoa thị (*) được bổ sung ở cuối tên các chỉ tiêu nghịch để phân biệt với các chỉ tiêu thuận.

PHỤ BIỂU 10: CHỈ SỐ THIẾT CHẾ PHÁP LÝ VÀ ANTT TỈNH THÁI NGUYÊN NĂM 2020

Chỉ tiêu	CSTP 10: Thiết chế pháp lý & ANTT	Tin tưởng HTPL sẽ đảm bảo quyền tài sản/thực thi hợp đồng của DN (%)	Hệ thống pháp luật (HTPL) có cơ chế giúp DN tố cáo cán bộ những nhiều (%)	Lãnh đạo tỉnh sẽ không bao che và nghiêm túc kỷ luật cán bộ những nhiều DN (%)	DN sẵn sàng sử dụng tòa án để giải quyết các tranh chấp (%)	Tòa án các cấp của tỉnh xét xử các vụ việc kinh tế đúng pháp luật (%)	Phán quyết của Tòa án là công bằng (%)	Tòa án các cấp ở tỉnh xét xử vụ việc kinh tế nhanh chóng (%)	Phán quyết của tòa án được thi hành nhanh chóng (%)	Các CQ trợ giúp pháp lý tại tỉnh hỗ trợ DN nhanh chóng để khởi kiện (%)	Các chi phí chính thức và CPKCT là chấp nhận được khi GQTC qua Tòa án (%)	Số lượng vụ việc tranh chấp của DN dân doanh do Tòa án thụ lý/100 DN	Tỷ lệ nguyên đơn ngoài quốc doanh/tổng số nguyên đơn tại Tòa án tỉnh (%)	Tỷ lệ vụ việc kinh tế đã được giải quyết trong năm (%)	Tình hình an ninh trật tự tại tỉnh là Tốt (%)	Tỷ lệ DN bị mất trộm tài sản năm qua (%) *	CQ công an hỗ trợ DN giải quyết hiệu quả vụ mất trộm tài sản (%)	Phải trả tiền 'bảo kê' cho băng nhóm côn đồ, xã hội đen để yên ổn làm ăn (%) *
Năm 2019	7,13	86%	43%	45%	58%	92%	91%	74%	80%	84%	89%	1,40	82%	39%	64%	6%	60%	1%
Năm 2020	7,34	89%	49%	52%	56%	95%	87%	78%	75%	82%	82%	1,42	61%	65%	66%	9%	90%	1,79%
Thấp nhất	5,17	80%	17%	20%	33%	81%	78%	60%	63%	65%	60%	0,22	25%	45%	52%	5%	22%	0,00%
Trung vị	6,80	89%	34%	39%	57%	92%	88%	78%	79%	80%	84%	1,72	83%	79%	68%	11%	65%	0,98%
Cao nhất	8,32	98%	65%	66%	80%	98%	97%	90%	92%	92%	92%	17,13	100%	100%	83%	21%	100%	6,17%
Xếp hạng	12	38	3	5	36	15	39	30	44	19	40	40	53	56	38	13	2	41

(*) Ghi chú:

Trong số các chỉ tiêu được liệt kê ở đây, một số chỉ tiêu là chỉ tiêu thuận (giá trị càng cao thì càng tích cực và thứ hạng càng tốt), và một số chỉ tiêu còn lại là chỉ tiêu nghịch (giá trị càng cao thì càng tiêu cực và thứ hạng càng không tốt).

Dấu hoa thị (*) được bổ sung ở cuối tên các chỉ tiêu nghịch để phân biệt với các chỉ tiêu thuận.